

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 144/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 27**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân

sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng với tổng số vốn là 7.264 triệu đồng, chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khoá X, Kỳ họp thứ 27 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh, khóa X;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hồ Thị Cẩm Đào

Phụ lục I

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: (Triệu đồng)

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2025											Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương								Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
								Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
	TỔNG SỐ	7.264	6.378	6.378	0	636	336	336	0	300	300	0	250	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	3.550	3.000	3.000	0	300	0	0	0	300	300	0	250	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	3.550	3.000	3.000	0	300	0	0	0	300	300	0	250	
1.1	Huyện Kế Sách	3.550	3.000	3.000	0	300	0	0	0	300	300	0	250	
1.1.1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miếu (bờ đông); tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật; tuyến Rạch Cách; tuyến cặp kênh Kinh cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây); tuyến rạch Hai Cù	3.550	3.000	3.000	0	300	0	0	0	300	300		250	

Số TT	Chương trình, dự án	Kế hoạch vốn năm 2025											Ghi chú	
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương								Vốn huy động
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh		Tổng	Vốn đối ứng ngân sách cấp huyện			
				Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp	Tổng	Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.714	3.378	3.378	0	336	336	336	0	0	0	0		
1	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	3.714	3.378	3.378	0	336	336	336	0	0	0	0		
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.714	3.378	3.378	0	336	336	336	0	0	0	0		
1.1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	3.714	3.378	3.378		336	336	336	0	0	0	0		

Phụ lục II
DANH MỤC PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Kèm theo Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị: (Triệu đồng)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Mã số dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật			Lũy kế vốn đã bố trí đến kế hoạch năm 2023		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Kế hoạch năm 2025					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó ngân sách trung ương	Trong đó ngân sách tỉnh đối ứng	Trong đó ngân sách huyện đối ứng	Vốn huy động khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				14	15		16	17	18
	TỔNG CỘNG						18.842	16.902			18.842	16.902	1.390	300	250	7.264	6.378	509	750	250	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo						3.550	3.000			3.550	3.000	0	300	250	3.550	3.000	0	300	250	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo						3.550	3.000			3.550	3.000	0	300	250	3.550	3.000	0	300	250	
1.1	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Hòa: tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miễu (bờ đông); tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật; tuyến Rạch Cách; tuyến cập kênh Kinh cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây); tuyến rạch Hai Cù	xã Xuân Hòa	2005m x 2m	2025		397/QĐ-UB(XDCB).24 ngày 03/10/2024	3.550	3.000			3.550	3.000		300	250	3.550	3.000	0	300	250	
II	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững						15.292	13.902			15.292	13.902	1.390			3.714	3.378	336			
1	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững						15.292	13.902			15.292	13.902	1.390			3.714	3.378	336			
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu	Sở LĐTBXH		2022 - 2025		2151/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	15.292	13.902			15.292	13.902	1.390			3.714	3.378	336			